

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HS-ST

Ngày: 30/11/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Luận. ;

2. Bà Nguyễn Thị Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thái Đ, sinh năm 1993; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh (nguyên Giám đốc Công ty A); trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T, sinh năm 1971; có vợ là Phạm Thị Th, sinh năm 1992 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 04/01/2021, thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; tại ngoại; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Chị Lê Hồng H, sinh năm 1975; trú tại: Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3. Anh Trần Văn N, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972; trú tại: Khu phố S, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1972; Tổ dân phố 12, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

6. Anh Lại Đắc M, sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Anh Huang Zhi J, sinh năm 1990; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH tự động hóa V, phía sau Bệnh viện Hồng Phúc, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị S, sinh năm 1988; vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1992; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1989; vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

4. Lộc Thị Tô U, sinh năm 1996; trú tại: thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1991; trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thái Đ là Giám đốc của Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ thương mại kim khí A (viết tắt là Công ty A), có địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp C, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy phép lần đầu ngày 20/3/2013, ngành nghề kinh doanh là sản xuất, kinh doanh mặt hàng sắt thép các loại. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh khoảng tháng 01/2018, Đ thấy có nhiều người đến đặt mua hàng và đặt vấn đề nhờ Đ xuất không hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Thấy vậy, Đ đã nảy sinh mua bán không hóa đơn GTGT để kiếm lời bất chính. Đ trực tiếp thỏa thuận giá bán không hóa đơn GTGT khoảng 2% - 4%/tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT. Để thực hiện việc bán không hóa đơn, Đ yêu cầu khách hàng cung cấp trước thông tin về tên đơn vị, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, số lượng, chủng loại hàng hóa; sau đó Đ nhờ chị Phạm Thị Th (là vợ của Đ) viết nội dung vào tờ hóa đơn GTGT, soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng nguyên tắc, biên bản giao nhận

hàng hóa, phiếu xuất kho, biên bản thanh lý hợp đồng,...theo các thông tin do Đ cung cấp. Đ không nói cho Th biết về việc Đ bán không hóa đơn GTGT cho khách hàng. Sau khi viết xong, Th chuyển lại toàn bộ hóa đơn, chứng từ cho Đ. Đ ký, đóng dấu giám đốc Công ty A và trực tiếp đưa cho khách hàng và thu tiền bán hóa đơn bằng tiền mặt, không có giấy tờ gì.

Để thực hiện việc kê khai báo cáo thuế, Đ đã thuê chị Lê H2 H, sinh năm 1975; trú tại: Khu Tân lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn làm kế toán thuế thời vụ. Hàng tháng, cứ vào khoảng thời gian từ 4 đến 5 ngày, H có nhiệm vụ đến Công ty của Đ để nhận hóa đơn, chứng từ do Đ cung cấp để mang về thực hiện việc kê khai, báo cáo thuế cho Công ty. Đ không nói gì cho H biết việc mua bán trái phép hóa đơn. Đến cuối năm 2020, H đã nghỉ việc. Với thủ đoạn như trên, từ khoảng tháng 01/2018 đến tháng 03/2020, Đ trực tiếp xuất bán không 84 số hóa đơn cho 04 Công ty, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 91.491.102.942 đồng, tiền thuế là 9.149.110.294 đồng, với giá bán hóa đơn khoảng từ 2% - 4% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, thu được tổng số tiền là 2.208.599.659 đồng, bao gồm:

- Bán không 15 số hóa đơn GTGT cho một người phụ nữ tên Lợi (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) ghi đơn vị mua hàng trên hóa đơn là Công ty TNHH tự động hóa V (Công ty V), có địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tổng tiền chưa thuế ghi trên 15 số hóa đơn là 33.306.877.360 đồng, tiền thuế là 3.330.687.736 đồng, giá bán hóa đơn là 2% tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn trước thuế. Số tiền Đ được hưởng lợi là **666.137.547 đồng** ($2\% \times 33.306.877.360 \text{ đồng}$)

- Bán không 52 số hóa đơn GTGT với giá là 2% tổng tiền hàng trước thuế ghi trên hóa đơn cho một người phụ nữ tên Loan (Đ không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) ghi đơn vị mua hàng là Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép N (Công ty N) có địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp sản xuất thép C, phường C, thị xã T và Công ty TNHH sản xuất và thương mại kim khí T (viết tắt là Công ty T) có địa chỉ trụ sở tại số 246 đường Lý Thường Kiệt, khu phố S, phường C, thị xã Từ Sơn, trong đó:

- + Công ty N là 30 số hóa đơn có tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 17.490.938.510 đồng, tiền thuế là 1.749.093.851 đồng. Đ được hưởng lợi số tiền là **349.818.770 đồng** ($17.490.938.510 \text{ đồng} \times 2\%$)

- + Công ty T là 22 số hóa đơn có tổng tiền giá trị tiền hàng trước thuế là 21.754.407.072 đồng, tiền thuế là 2.175.440.707 đồng. Đ được hưởng lợi số tiền là **435.088.140 đồng** ($21.754.407.072 \text{ đồng} \times 2\%$)

- Bán không 17 số hóa đơn GTGT với giá là 2% tổng tiền hàng trước thuế ghi trên hóa đơn cho một người đàn ông tên là Tuấn (Đ không rõ lại lịch, địa chỉ cụ thể) tự giới thiệu là nhân viên Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V) có địa chỉ trụ sở tại Tổ dân phố 12, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tổng tiền chưa thuế ghi trên 17 số hóa đơn là 18.938.880.000 đồng, tiền thuế là 1.983.888.000 đồng. Đ được hưởng lợi số tiền là **757.555.200 đồng** ($4\% \times 18.938.880.000 \text{đồng}$)

Để hợp thức hóa cho 84 số hóa đơn bán không kể trên, Trần Thái Đ đã thỏa thuận với một người tên Đức, quê ở Hải Phòng (Đ rõ địa chỉ cụ thể) để mua không hóa đơn GTGT với giá thỏa thuận là khoảng từ 1,7% - 1,8% /tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn, sao cho khớp với số hàng hóa mà Đ đã xuất bán không cho khách hàng trước đó. Cụ thể, Đ đã thông qua Đức mua không 72 số hóa đơn của 03 Công ty, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT là 91.335.760.150 đồng, tiền thuế là 9.133.576.015 đồng. Tổng số tiền Đ phải trả để mua không hóa đơn là 1.584.648.612 đồng, trong đó:

- 06 số hóa đơn của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T1 (viết tắt là Công ty T1) có địa chỉ trụ sở tại số A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 12.222.639.800 đồng, tiền thuế là 1.222.263.980 đồng với giá 1,7% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền Đ phải trả mua 06 số hóa đơn là 207.784.877 đồng ($1,7\% \times 12.222.639.800 \text{đ}$).

- 23 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH vật tư thương mại Đ (viết tắt là Công ty Đ), có địa chỉ trụ sở tại số B, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 31.940.689.200 đồng, tiền thuế là 3.194.068.920 đồng với giá 1,8% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền Đ phải trả mua 23 số hóa đơn là 574.932.406 đồng ($1,8\% \times 31.940.689.200 \text{đ}$).

- 43 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ D (viết tắt là Công ty D) có địa chỉ trụ sở tại Xóm M, phường T, quận T, thành phố Hải Phòng. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 47.172.431.150 đồng, tiền thuế là 4.717.243.115 đồng với giá 1,7% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền Đ phải trả mua 43 số hóa đơn là 801.931.330 đồng ($1,7\% \times 47.172.431.150 \text{đ}$).

Theo quy định đối với các số hóa đơn có giá trị tiền hàng trên 20 triệu đồng thì việc thanh toán phải thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Để hợp thức hóa thanh toán tiền qua tài khoản ngân hàng đối với các hóa đơn

mua, bán không nêu trên, Trần Thái Đ đã sử dụng tài khoản ngân hàng số 115000103735 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn - Phòng giao dịch Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, chủ tài khoản là Công ty A để cung cấp cho khách hàng. Khi bán không hóa đơn, Đ đã thỏa thuận và yêu cầu khách hàng chuyển đủ số tiền ghi trên hóa đơn do Đ xuất không, khi chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Công ty A thì Đ sẽ rút toàn bộ số tiền đó để trực tiếp trả lại cho người mua cùng với hóa đơn, hợp đồng kinh tế và các chứng từ đã được chuẩn bị trước đó hoặc sẽ chuyển các chứng từ kèm theo hóa đơn đến địa chỉ người mua theo yêu cầu. Còn khi mua hóa đơn của Đức, thì khi nào Đức chuyển Hợp đồng kinh tế, hợp đồng nguyên tắc, hóa đơn GTGT, giấy giới thiệu, giấy rút tiền mặt và các chứng từ đã được ký tên, đóng dấu cho Đ thì Đ có trách nhiệm dùng tiền của Đ chuyển đủ số tiền ghi trên hóa đơn vào tài khoản của Công ty bán hóa đơn. Sau đó, Đ chỉ đạo nhân viên hoặc nhờ người quen để thực hiện việc rút tiền từ tài khoản của các Công ty này thông qua giấy giới thiệu và giấy rút tiền mặt đã được Đức đưa trước đó để rút toàn bộ số tiền ra. Số tiền mua, bán không hóa đơn, thì Đ nhận và trả trực tiếp bằng tiền mặt cho người mua, người bán nhưng không ghi giấy tờ biên nhận. Như vậy, tổng số tiền Trần Thái Đ được hưởng lợi từ việc mua, bán **156** số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa kèm theo là: 2.208.599.659 đồng - 1.584.648.612 đồng = 623.951.047 đồng.

Sau khi tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty A, Cơ quan thuế đã phát hiện Công ty A có dấu hiệu rủi ro cao về thuế và có dấu hiệu mua bán hóa đơn không. Do vậy, ngày 18/6/2020, Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong đã có văn bản đề nghị Cơ quan CSĐT Công an thị xã Từ Sơn phối hợp điều tra, xác minh làm rõ việc mua bán hàng hóa của Công ty A để nhằm ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra với Ngân sách Nhà nước. Trong quá trình giải quyết, ngày 10/8/2020 Trần Thái Đ tự nguyện đã nộp số tiền 610.000.000 đồng vào kho bạc Nhà nước thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là thành phố Từ Sơn).

Đến ngày 29/12/2020, Trần Thái Đ đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03) đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau đó, Đ đã tự nguyện nộp lại số tiền 13.951.047 đồng do mua bán hóa đơn GTGT không mà có.

*** Đối với những người liên quan đến việc viết hóa đơn, chứng từ và rút tiền từ tài khoản Ngân hàng cho Đ đã khai nhận như sau:**

- Đối với Phạm Thị Th, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (là vợ của Đ) khai nhận: Đ nhờ Th viết hóa đơn xuất bán hàng hóa, viết các chứng từ xuất kho, nhập kho và đánh máy các hợp đồng kinh tế để Đ giao cho khách hàng thì Th chỉ biết thực hiện theo yêu cầu của Đ, còn

việc Đ mua bán hàng hóa, thỏa thuận ra sao thì Th không tham gia, cũng như không biết gì về hoạt động của Công ty A như thế nào. Ngoài ra, Đ bảo Th đi ra Ngân hàng rút tiền về để lấy tiền hoạt động kinh doanh của Công ty thì Th đi rút tiền và mang tiền về đưa cho Đ.

- Đối với các chị Trần Thị S, sinh năm 1988, chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1992 và chị Trần Thị H2, sinh năm 1989 đều trú tại Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh khai nhận: Các chị vẫn thường xuyên lên Ngân hàng BIDV Từ Sơn để giao dịch. Tại đây, các chị có gặp Đ và được Đ nhờ rút tiền từ tài khoản Công ty D, Công ty Đ vì Đ quên mang theo chứng minh nhân dân nên các chị tin tưởng đã rút tiền giúp Đ. Sau khi rút số tiền ra, các chị đều đưa lại hết cho Đ. Bản thân các chị S, Tr và H2 chỉ biết rút tiền theo yêu cầu của Đ, không được Đ trao đổi hay bàn bạc, thỏa thuận gì, đồng thời cũng không được hưởng lợi gì từ việc rút tiền này.

*** Đối với các Công ty bán hóa đơn cho Công ty A:** Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xác minh trụ sở địa chỉ, giám đốc và yêu cầu các Cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu kê khai báo cáo thuế, tài khoản ngân hàng có liên quan đối với Công ty T1, Công ty D, Công ty Đ được các Cơ quan chức năng cho biết đều không có trụ sở địa chỉ kinh doanh, không có con người trên địa phương cũng như không treo biển hiệu Công ty hay có bất kỳ hoạt động gì khác. Cụ thể:

- *Đối với Công ty D:* Công an xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cho biết trên địa bàn không có Công ty D treo biển hay hoạt động gì tại trụ sở đăng ký kinh doanh của công ty. Còn anh Trần Văn Th, sinh năm 1991, trú tại thôn A, xã An L, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên Giám đốc Công ty D cho biết bản thân anh không làm việc, hay biết gì đối với Công ty D, cũng không được ai thuê thành lập Công ty, anh không biết mình đứng tên Giám đốc và cũng như không tham gia bất kỳ hoạt động gì đối với Công ty D.

Tài liệu do Cơ quan thuế cung cấp thể hiện Công ty D trong việc kê khai báo cáo thuế từ Quý 1 đến Quý 4 năm 2019 không thực hiện kê khai báo cáo thuế, kê khai báo cáo thuế bằng không. Tuy nhiên, vẫn phát sinh giao dịch cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty A.

- *Đối với Công ty Đ:* Công an Phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho trên địa bàn không có Công ty Đ hoạt động hay treo biển hiệu hoặc có hoạt động gì tại địa chỉ đăng ký kinh doanh trên giấy phép. Công an phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cho biết không

có ai là Vũ Thị Thơ sinh năm 1972, trú tại số 97 Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng.

Tài liệu do Cơ quan thuế cung cấp thể hiện Công ty Đ kê khai báo cáo thuế chỉ thực hiện từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018 ngoài ra từ đó đến nay, kê khai báo cáo thuế đều không phát sinh doanh số.

- *Đối với Công ty T1:* Công an phường Lạch Chay, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho trên địa bàn không có Công ty T1 hoạt động hay treo biển hiệu, cũng như không có địa chỉ số 9/96 phường Lạch Chay, quận Ngô Quyền theo như địa chỉ trụ sở Công ty T1. Công an phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cũng cho biết không có ai là Hứa Kim Hùng sinh năm 1963, trú tại số 37/45 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng— đứng tên Giám đốc Công ty T1.

Tài liệu của Cơ quan thuế thể hiện Công ty T1 kê khai báo cáo thuế từ Quý 1 năm 2019 đến Quý 1 năm 2020 đều kê khai không phát sinh doanh số.

*** Đối với các Công ty mua hóa đơn của Công ty A:**

- *Đối với Công ty V:* Ngày 13/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận tin báo về tội phạm theo Công văn số 2238/CT-TTKT3 ngày 08/7/2020 của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh về việc chuyển hồ sơ, vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra. Nội dung tin báo thể hiện Công ty V có dấu hiệu sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường sau đó lập hồ sơ hoàn thuế GTGT nhằm chiếm đoạt tiền hoàn thuế.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh trụ sở, địa chỉ kinh doanh: Công ty V do anh Lại Đắc M sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đứng tên Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty V. Tuy nhiên, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều do ông HWANG CHI KIM (Huang Zhi J) quốc tịch Trung Quốc chỉ đạo điều hành vì ông Kim thuê anh M thành lập Công ty và làm giám đốc với số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Tại thời điểm xác minh Công ty có trụ sở địa chỉ, có treo biển hiệu, có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa có thật, có kho bãi tập kết. Việc mua bán hàng hóa đều do Lộc Thị Tổ U sinh năm 1996, trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là phiên dịch và giúp việc cho ông KIM điều hành. Còn Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1991 trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh làm bộ phận hành chính kiêm kế toán Công ty V là người làm thủ tục thanh toán và chuyển khoản trả tiền cho đơn vị bán hàng.

Theo chị U khai nhận: chị được ông HWANG CHI KIM chỉ đạo tìm nguyên liệu đầu vào để phục vụ sản xuất cho hoạt động của Công ty, chị U đã tìm mua hàng trên mạng và được biết người phụ nữ tên Lợi giới thiệu là người

của Công ty A, còn người của Công ty N thì chị U không nhớ liên hệ với ai trên mạng. Sau khi liên hệ đặt mua hàng thì 02 Công ty trên chuyển hàng đến Công ty V và được nhân viên trong Công ty kiểm tra hàng hóa và nhận theo đúng đơn đặt hàng. Việc 02 Công ty trên xuất hóa đơn chuyển theo bưu điện thì chị U sẽ chuyển cho bộ phận kế toán là Nguyễn Thị Kim G để tập hợp báo cáo thuế theo quy định. Đối với người phụ nữ tên Lợi là người của Công ty A thì chị U không biết ở đâu, làm gì, cũng chưa từng gặp mặt Lợi hay những ai khác của Công ty A, cũng như Công ty N.

- *Đối với Công ty N:* Công ty N do Trần Văn N, sinh năm 1992 trú tại Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm giám đốc và là người đại diện hợp pháp theo pháp luật. Tại thời điểm xác minh Công ty có trụ sở địa chỉ, có treo biển hiệu, có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa có thật, có kho bãi tập kết hàng hóa. Theo anh N khai nhận việc mua hàng sắt, thép của Công ty A là có thật, anh giao cho Loan là kế toán thời vụ của Công ty có trách nhiệm kê khai báo cáo thuế, cũng như tìm nguồn hàng hóa đầu vào. Do anh N thường xuyên đi công tác xa để tìm nguồn khách hàng, khi cần số lượng hàng hóa như thế nào thì anh N sẽ gọi điện cho Loan. Sau khi nhận hàng hóa từ Công ty A kèm theo hóa đơn và các chứng từ có liên quan thì Loan sẽ báo cho anh N để thực hiện thanh toán chuyển khoản đến tài khoản Công ty A thông qua tài khoản Công ty. Tuy nhiên, hiện nay Loan đã nghỉ việc tại Công ty, anh N cũng không biết Loan ở đâu, làm gì hay có thông tin gì khác về Loan.

- *Đối với Công ty T:* Công ty T do Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972 trú tại khu phố S, phường C, thị xã Từ Sơn làm giám đốc Công ty và là người đại diện hợp pháp theo pháp luật. Tại thời điểm xác minh Công ty có trụ sở địa chỉ, có treo biển hiệu, có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa có thật, có kho bãi tập kết hàng hóa. Theo anh N1 khai nhận việc mua hàng của Công ty A là có thật, anh giao cho chị Ngọc là kế toán thời vụ từ năm 2018 đến cuối năm 2019. Do anh N1 thường xuyên đi công tác xa tìm nguồn khách hàng để bán hàng. Khi cần số lượng hàng hóa như thế nào N1 sẽ gọi điện cho Ngọc để liên hệ tìm nguồn hàng, sau khi nhận hàng hóa từ Công ty A kèm theo hóa đơn và các chứng từ có liên quan Ngọc sẽ báo cho N1 để thực hiện thanh toán chuyển khoản đến tài khoản Công ty A thông qua tài khoản Công ty T. Đến cuối năm 2019 Ngọc đã nghỉ làm việc tại Công ty, hiện tại anh N1 cũng không liên lạc được hay biết thông tin gì khác về Ngọc.

- *Đối với Công ty V* do Nguyễn Đức H1, sinh năm 1972 trú tại tổ dân phố 12, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định làm giám đốc và là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty.

Theo anh H1 khai nhận việc mua hàng hóa của Công ty A là có thật, có một người đàn ông tên Tuấn giới thiệu là người của Công ty A đến liên hệ bán hàng. Sau đó, anh H1 giao cho chị Thúy là kế toán thời vụ của Công ty để làm việc liên hệ mua bán với Tuấn. Do H1 thường xuyên đi công tác xa tìm nguồn khách hàng. Khi cần số lượng hàng hóa như thế nào H1 sẽ gọi điện cho Thúy để liên hệ tìm nguồn hàng, sau khi nhận hàng hóa từ Công ty A kèm theo hóa đơn và các chứng từ có liên quan Thúy sẽ báo cho H1 để thực hiện thanh toán chuyển khoản đến tài khoản Công ty A thông qua tài khoản Công ty T. Đồng thời liên quan đến các số hóa đơn mua bán hàng hóa đều được Thúy kê khai báo cáo thuế theo quy định. Hiện tại Thúy đã nghỉ làm việc, anh H1 không liên lạc được và không biết thông tin gì khác về Tuấn và Thúy.

Ngoài ra, Công ty A còn sử dụng hóa đơn của 16 Công ty sau: Công ty TNHH thương mại và công nghệ môi trường Phúc Lộc; Công ty TNHH AD-VIET; Công ty TNHH thương mại vật tư Tùng Dương; Công ty TNHH thương mại Minh An Đ; Công ty TNHH Hương Ánh Dương; Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Dũng Đ; Công ty TNHH đầu tư thương mại vận tải Vinh Anh; Công ty TNHH vận tải Hoàng Bình Minh; Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thúy Vinh; Công ty TNHH xây dựng thương mại Thiên Vinh; Công ty TNHH kinh doanh thương mại Hoàng Long; Công ty TNHH kinh doanh thương mại Thiên Long; Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại Việt Ân; Công ty TNHH Hướng Dương Tiến; Công ty TNHH thương mại vật tư xây dựng và vận tải Hoàng Ngân; Công ty TNHH MTV Thái Đức Phát. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh trụ sở, địa chỉ kinh doanh của các Công ty trên đã xác định các Công ty này đều không có trụ sở, địa chỉ kinh doanh, có một số giám đốc Công ty không có mặt tại địa phương hoặc có giám đốc không biết gì về hoạt động mua bán của các Công ty trên. Trần Thái Đ khai nhận: Việc mua bán hàng hóa đối với các Công ty trên đều có thật, chủ yếu liên quan đến mặt hàng sắt, thép. Tuy nhiên, Đ không nhớ mua bán cụ thể cho ai trong thời gian nào, việc mua bán đều có đầy đủ hóa đơn, chứng từ mua bán. Sau khi thực hiện mua, bán hàng hóa đã thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản. Căn cứ vào tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, đến nay chưa có cơ sở kết luận Đ có hành vi mua bán khống hóa đơn GTGT của các Công ty nêu trên hay không. Do đó, Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đầy đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Với nội dung trên, tại Bản Cáo trạng số: 118/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Trần Thái Đ về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thái Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo được hưởng lợi số tiền hơn 600 triệu đồng từ việc mua bán khống hóa đơn GTGT. Đến nay, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đầu thú và tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính để khắc phục hậu quả; bị cáo tích cực ủng hộ phòng chống Covid tại địa phương và ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Thái Đ phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Thanh Tuấn từ 18 đến 24 tháng tù, thử thách từ 36 đến 48 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 623.951.047 đồng, xác nhận bị cáo Đ đã tự nguyện nộp đủ trong quá trình điều tra.

Bị cáo Trần Thái Đ không tham gia tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng, không bị khiếu nại gì, vì vậy là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2020, Trần Thái Đ là Giám đốc Công ty A đã có hành vi bán khống 84 số hóa đơn GTGT (không có hàng hóa) cho 04 Công ty (Công ty V 15 số hóa đơn, Công ty N 30 số hóa đơn, Công ty T 22 số hóa đơn và Công ty V 17 số hóa đơn), với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 91.491.102.942 đồng, với giá từ 2%-4%, thu được số tiền **2.208.599.659 đồng**. Để hợp thức số hóa đơn bán khống, Đ đã mua khống 72 số hóa đơn GTGT (đầu vào) của 03 Công ty (Công ty D, Công ty Đ và Công ty T1) đã ghi đầy đủ nội dung nhưng không có hàng hóa kèm theo, tổng giá trị tiền

hàng chưa thuế trên hóa đơn là 91.335.760.150 đồng với giá là 1,7%-1,8%, tổng số tiền Đ phải trả là **1.584.648.612 đồng**, Đ được hưởng lợi bất chính là **623.951.047 đồng**. Do đó, có căn cứ xét xử bị cáo Trần Thái Đ phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là phù hợp với pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do hám lợi nên bị cáo Đ đã mua bán hóa đơn GTGT khống, tiếp tay cho các công ty làm ăn phi pháp, trốn thuế của Nhà nước. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tích cực tham gia ủng hộ quỹ phòng chống Covis và ông ngoại bị cáo có Huân chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, HĐXX xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Thái Đ thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Liên quan trong vụ án:

- Đối với người đàn ông tên Đức đã bán hóa đơn khống cho Đ nhưng Đ không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của Đức ở đâu, có mối quan hệ với ai nên chưa đủ cơ sở để xác minh. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với chị Phạm Thị Th là người giúp Đ viết hóa đơn, chứng từ nhập kho, xuất kho, đánh máy hợp đồng mua bán và rút tiền từ tài khoản Ngân hàng nhưng chị Th không biết Đ mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Đối với các chị Trần Thị S, Phạm Thị Tr và Trần Thị H2 là những người nhận rút tiền từ tài khoản Ngân hàng của các Công ty bán hóa đơn cho Đ nhưng các chị đều không biết số tiền đó

liên quan đến việc mua bán hóa đơn. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với các giám đốc và người làm ở Công ty V, Công ty N, Công ty T và Công ty V đã sử dụng hóa của Công ty A. Nhưng đến nay chỉ có lời khai duy nhất của Đ về việc bán hóa đơn cho các Công ty trên nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

- Đối với các hóa đơn đầu vào của các Công ty xuất bán hàng cho Công ty A, do các Công ty này đã tạm dừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh; các giám đốc của công ty này đều khai nhận không đứng ra thành lập công ty, không biết gì về hoạt động của công ty hoặc không có mặt tại địa phương, hiện đi đâu làm gì chính quyền địa phương không rõ. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lời bất chính 623.951.047 đồng của bị cáo Đ. Xác nhận bị cáo đã nộp 610.000.000 đồng tại Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong và 13.952.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thái Đ phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thái Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Đ 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thái Đ cho UBND phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 623.951.047 đồng của bị cáo Đ. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền trên, trong đó có 610.00.000 đồng nộp tại Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong (theo các Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số tham chiếu 11220200047191938 ngày 10/8/2020 và số tham chiếu 11220200057495148 ngày 05/12/2020) và số tiền 13.952.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000051 ngày 05/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thái Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ bản án.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT (PC 03)- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại TG- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10, PV 27- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh; Chi cục thuế, KB Từ Sơn;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Thị Lượng

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Luận Nguyễn Thị Bảy

Nghiêm Thị Lượng